

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2019

V/v Thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát

2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiêu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thành P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 265, Đường TH, Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh TN (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số X, hẻm 1A, Đường ĐBP, khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Thành P trình bày: Ông P và bà K ly hôn từ năm 2012 theo Bản án số 24/HNGĐ-ST ngày 05-4-2012 của Tòa án nhân dân thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh TN và Bản án số 50/2012/HNGĐ-PT ngày 30-7-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh TN. Tại Bản án số 50/2012/HNGĐ-PT ngày 30-7-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh TN quyết định về con chung giao cho bà K nuôi hai con

chung là Lê Nguyễn Phúc T, sinh ngày 25-8-2000 và Lê Nguyễn Phúc Tr, sinh ngày 16-11-2005. Ông P cho rằng bà K không nuôi con tốt vì các lý do sau:

Về việc chăm sóc con: Con chung Tr đang ở tuổi lớn, cần có sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ nhưng suốt một thời gian dài bà K không chăm sóc tốt con, không kề cận nuôi nấng và dạy dỗ con, thường xuyên bỏ bê con đi chơi với bạn bè.

Về điều kiện môi trường sống của con: Bà K cùng chồng mới và con chung Tr sống ở nhờ nhà ông bà ngoại của Tr. Tại nhà ông bà ngoại có mở Khách sạn kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ nên Tr ở tuổi mới lớn, tiếp xúc nhiều với môi trường sống như vậy sẽ dễ bị ảnh hưởng xấu. Cuộc sống sinh hoạt vợ chồng giữa bà K và chồng mới cũng không kín đáo dẫn đến để cháu Tr thấy được, có nhiều bất tiện khi con gái sống cùng cha dượng. Bên cạnh đó, về lối sống, đạo đức tình cảm của bà K không tốt để Tr nhiều lần chứng kiến, dẫn đến Tr buồn, gây ảnh hưởng xấu tới tâm lý của Tr.

Về điều kiện kinh tế: Hiện tại công việc của bà K chưa ổn định nên tập trung thời gian nhiều vào công việc, không có thời gian chăm sóc con.

Ngoài ra, bà K thường lấy lý do là người được Tòa án giao quyền nuôi con nên khi Tr muốn về ở lâu thăm ông P thì bà K ngăn cản. Những sự việc này làm Tr rất buồn và mong muốn nhiều lần được về sống cùng ông P.

Hiện nay, ông P là giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất – Xây dựng MH, mức thu nhập ổn định khoảng 50.000.000 đồng/ tháng, Công ty lại mở ngay tại nhà nên có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để chăm sóc Tr. Do đó, ông P yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể ông P yêu cầu bà K giao cháu Lê Nguyễn Phúc Tr, sinh ngày 16-11-2005 cho ông P nuôi dưỡng. Ông P không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

** Tại Bản tự khai ngày 02-7-2019 và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:* Bà K không đồng ý các nội dung ông P đã trình bày. Việc ông P yêu cầu thay đổi người nuôi con là không có cơ sở, cụ thể:

Bà K quan tâm, chăm sóc con tốt, đảm bảo việc sinh sống, học tập, giải trí và tạo điều kiện tốt để cho con chung Tr phát huy hết khả năng của mình.

Về môi trường sống tuy gia đình có kinh doanh khách sạn nhưng khu nhà ở, sinh hoạt gia đình và khu khách sạn riêng biệt nên không ảnh hưởng đến tâm lý của Tr. Việc ông P cho rằng có sự bất tiện giữa cha dượng và con gái là không hợp lý vì các con đều có phòng riêng và có ông bà ngoại cùng sống ở nhà. Điều kiện sống bên gia đình ông P thì hiện ông P cũng đã có vợ mới, vợ mới có con trai riêng đã trưởng thành (22 tuổi), ông P không thường xuyên ở nhà nên nếu giao cháu Tr cho ông P nuôi thì cũng có sự bất tiện trong sinh hoạt, không đảm bảo tốt cho cháu Tr.

Về điều kiện kinh tế, cả ông P và bà K đều có đủ điều kiện kinh tế nuôi con. Bà K hiện là giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản HL, mức thu nhập ổn định khoảng 55.000.000 đồng/ tháng, công ty có trụ sở chính ngay tại nhà. Tuy xưởng sản xuất tại xã BN, huyện DMC, tỉnh TN nhưng bà K làm giám

độc nên công việc chủ yếu thực hiện tại trụ sở chính nên bà K vẫn đảm bảo điều kiện về kinh tế, thời gian để chăm sóc Tr.

Sau khi ly hôn, bà K vẫn đảm bảo cho Tr về thăm cha và ông bà nội, không có ngăn cản Tr về thăm ông P. Việc bà K gọi cho cháu Tr khi Tr ở lâu với ông P thì do nhớ con và gọi cho con là bình thường, không phải là ngăn cản như ông P trình bày.

Đối với sinh hoạt vợ chồng thì cả bà K và ông P đều có những lúc sơ sẩy dẫn đến bị cháu nhìn thấy được. Tuy nhiên, sau khi biết thì gia đình hai bên đều có sửa chữa, không để cháu tiếp tục nhìn thấy. Về đời sống tình cảm riêng tư của bà K không là lý do để ông P thay đổi người nuôi con, trong chăm sóc con bà K đã làm tốt vai trò của mình.

Đối với nguyện vọng của Tr đã nộp cho Tòa án do con còn nhỏ nên sợ cha buồn cháu mới trình bày đơn như vậy, tâm lý cháu Tr không ổn định nên ai kêu thì Tr đều viết nguyện vọng như vậy. Do đó, bà K không đồng ý giao con cho ông P nuôi. Bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành P về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao cháu Lê Nguyễn Phúc Tr, sinh ngày 16-11-2005 cho ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông P không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Bà K có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở. Bà K phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Thành P có yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” với bà Nguyễn Thị K cư trú tại khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành P:

Xét điều kiện thu nhập, nơi cư trú, điều kiện môi trường sống và thời gian chăm sóc con giữa bà K và ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Biên bản xác minh ngày 18-7-2019 tại Văn phòng khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (Bút lục số 71) thể hiện: Bà K có cư trú tại địa chỉ Khách sạn Q 2, Đường ĐBP, khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN; về điều kiện kinh tế ổn định, có kinh doanh quản lý khách sạn; tại địa chỉ mà bà Quyên sinh sống có cha mẹ ruột của bà Quyên thường xuyên có mặt tại nhà chăm sóc cháu và bà K cũng thường xuyên có mặt tại nhà. Bà K có kết hôn với người chồng sau hiện là giám đốc doanh nghiệp tư nhân, sống cùng địa chỉ trên nhưng ít có mặt ở nhà, chỉ về nhà vào lúc chiều tối.

Tại Biên bản xác minh ngày 18-7-2019 tại Công an Phường X, thành phố TN, tỉnh TN (Bút lục số 72) thể hiện: Ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú, thường xuyên sinh sống và có mở công ty tư nhân tại nhà số 265, Đường TH, Khu phố 3, Phường 1, thành phố TN, tỉnh TN. Tại địa chỉ trên có bà Phạm Ngọc N và con trai bà N là anh Nguyễn Hoàng K sinh sống cùng ông P. Tuy nhiên anh K không thường xuyên có mặt ở nhà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P trình bày ông hiện là giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất – Xây dựng MH, mức thu nhập ổn định khoảng 50.000.000 đồng/ tháng; ông P cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900370129 của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất – Xây dựng MH (Bút lục số 83), trong đó có thể hiện giá trị phần vốn góp của ông P tại công ty là 2.350.000.000 đồng. Bà K trình bày bà hiện là giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản HL, mức thu nhập ổn định khoảng 55.000.000 đồng/ tháng; bà K cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901271674 của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nông sản HL (Bút lục số 84), trong đó thể hiện mức vốn điều lệ của công ty là 1.000.000.000 đồng.

Như vậy, xét về điều kiện thu nhập, nơi cư trú, điều kiện môi trường sống và thời gian chăm sóc con giữa bà K và ông P thì ông P, bà K đều có nơi cư trú ổn định, điều kiện kinh tế tốt và đều có điều kiện về thời gian để chăm sóc con.

Xét về nguyện vọng của con chung Lê Nguyễn Phúc Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên Lê Nguyễn Phúc Tr ngày 22-7-2019 (Bút lục số 78) thể hiện: Cháu Tr trình bày sau khi cha mẹ ly hôn, cháu Tr sống cùng với mẹ, cha dượng, chị gái và ông bà ngoại. Quá trình chung sống với mẹ, cháu Tr không bị ngược đãi, ông bà ngoại và mẹ đều có quan tâm nhưng mẹ bận đi làm, thường không có nhà nên cũng có lúc không quan tâm cháu Tr, ở nhà chủ yếu chỉ có ông bà ngoại nhưng ông bà ngoại cũng bận làm việc. Cha cháu Tr là ông P thường xuyên đến thăm cháu, do cha thường xuyên ở nhà nên từ khi cha mẹ ly hôn thì cha cháu Tr quan tâm cháu Tr nhiều hơn. Cháu Tr trình bày trước đây cháu có 03 lần viết nguyện vọng, lần thứ nhất là đơn đánh máy cháu ký tên trình bày muốn sống với cha gửi cho Tòa án; lần thứ hai là mẹ cháu kêu cháu viết

nguyện vọng vào ngày 02-7-2019, do cháu thương mẹ nên mẹ nói thì cháu có viết ý kiến muốn ở với mẹ và lần thứ ba cháu tự viết đơn tay ngày 11-7-2019 gửi Chánh án Tòa án nhân dân thành phố TN ghi nguyện vọng là cháu muốn sống cùng với cha. Và tại buổi lấy kiến ngày 22-7-2019, cháu Tr tiếp tục xác định cháu có nguyện vọng muốn sống cùng với cha, cháu không bị ai ép buộc.

Từ các phân tích trên, xét về điều kiện nuôi con thì cả bà K và ông P đều có đủ điều kiện nuôi con. Tại khoản 3 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên*”. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Tr nhiều lần trình bày có nguyện vọng muốn sống cùng với cha là ông Lê Thành P nên Hội đồng xét xử xét thấy việc ông P yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể ông P yêu cầu giao cháu Lê Nguyễn Phúc Tr, sinh ngày 16-11-2005 cho ông P nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr và có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà K có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận Ông P không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà K phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” của ông Lê Thành P đối với bà Nguyễn Thị K.

Giao cháu Lê Nguyễn Phúc Tr, sinh ngày 16-11-2005 cho ông Lê Thành P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông Lê Thành P không yêu cầu bà Nguyễn Thị K cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị K có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Lê Thành P không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Thành P số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007168 ngày 17-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN.

Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung